

TẬP QUÁN SINH ĐẼ CỦA NGƯỜI DAO TIỀN Ở BA BỂ, BẮC CẠN

LÝ HÀNH SƠN

Huyện Ba Bể có tên cũ là Chợ Rã nằm ở phía tây nam tỉnh Cao Bằng. Trước năm 1979 Ba Bể thuộc tỉnh Bắc Thái, nay thuộc tỉnh Bắc Cạn, là tỉnh mới khôi phục. Người Dao ở Ba Bể có khoảng 20 nghìn người gồm nhiều nhóm địa phương khác nhau trong đó nhóm Dao Tiên chiếm tỷ lệ dân số đáng kể. Mặc dù cuộc sống có nhiều biến đổi nhưng người Dao Tiên ở Ba Bể vẫn duy trì các phong tục, tập quán của mình. Bài viết này chỉ xin đề cập đến các kinh nghiệm, tập quán sinh đẻ của họ.

1. Quan niệm về sinh đẻ và ảnh hưởng của nó tới địa vị của phụ nữ

Người Dao Tiên ở Ba Bể cho rằng tiêu chuẩn cơ bản của phụ nữ khi đã làm vợ là phải sinh đẻ và được làm mẹ, đó cũng là điều mong ước duy nhất của những người đã xây dựng gia đình. Người ta quan niệm rằng *mài ton xia chính mài chjàng cha phỉn*, nghĩa là có sinh đẻ thì mới có người nối tiếp cha ông, thờ cúng tổ tiên. Đồng bào còn cho rằng sinh đẻ thì mới *tu nhiệm kha*, tức là có chỗ dựa lúc về già. Do đó, người hiếm con thường rất lo lắng trong trường hợp phải sống cô đơn không có con cái trông nom khi tuổi già, sức yếu.

Đồng bào thường nói " *Mai mài ton xia mai mài chjàng*" (không có con cái không hy vọng tương lai) cùng với nhiều câu so sánh như *máo hang piao mai triỏ ton xia* (cô quạnh như nhà không có con cái), *xiết hang ton đô* (quý như con một),... đã phản ánh tầm quan trọng của việc sinh đẻ và nuôi dạy con cái. Hầu hết các đôi vợ chồng người Dao Tiên ở Ba Bể không có con hoặc có ít con đều bằng mọi giá để mua hoặc xin con của người khác về làm *ton duông* (con nuôi). Họ rất quý con nuôi, thường quý hơn con đẻ bởi quan niệm rằng con nuôi cũng có cha mẹ và anh em hoặc mồ côi, mình nhận nó về nuôi thì phải hết lòng thương quý không để cho nó tủi thân. Do đó, con nuôi cũng rất quý trọng bố mẹ nuôi và chỉ tập trung sức để phụng dưỡng bố mẹ nuôi. Trong thực tế, con nuôi chỉ sống với bố mẹ nuôi và gọi bố nuôi bằng bố, gọi cha đẻ bằng chú hay bác. Tuy nhiên ở đồng bào còn có một số nghi lễ để khẳng định vai trò của con nuôi đối với bố mẹ nuôi.

Người Dao Tiên ở Ba Bể còn khẳng định rằng *dùng ton* (sinh đẻ) không chỉ thoả mãn nhu cầu làm cha mẹ của các cặp vợ chồng mà còn thoả mãn nhu cầu của anh em tông tộc về việc duy trì và phát triển giống nòi. Những cặp vợ chồng có nhiều con cái, đồng thời có đức tính tốt với mọi người thì được anh em xóm giềng kính nể và cho là phúc hậu. Họ được anh em họ hàng mời làm người mở đầu cho các công việc hệ trọng như vào nhà mới, hỏi vợ cho con trai, đưa đón dâu,... Các cặp vợ chồng không có con hoặc có con nhưng khó nuôi thường không được chọn làm người mới, người khởi xướng các công việc gieo trồng, đặt nền móng xây dựng, ...Lẽ tất nhiên, là sinh đẻ phải trên cơ sở hôn nhân hợp pháp, được luật tục người Dao thừa nhận. Đứa trẻ sinh ra phải

biết bố thì mới nhận được tình thương của mọi người và người phụ nữ có con mới được anh em họ hàng tôn trọng. Các trường hợp *dùng ton gỏi* (đẻ hoang) đều bị tông tộc và anh em hàng xóm lên án. Tuy từng nơi, phụ nữ đẻ hoang có thể bị trừng phạt rất nặng cả về thể chất cũng như tinh thần.

Sinh đẻ đóng vai trò quan trọng, là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá sự hạnh phúc của đôi vợ chồng. Song, những tín ngưỡng kết hợp với nhiều yếu tố liên quan đến vệ sinh và bảo vệ sức khoẻ của phụ nữ cũng như đứa trẻ trong thời gian đẻ và ở cữ đã tạo ra nhiều tập quán buộc người phụ nữ sinh đẻ phải tuân theo. Các tập quán này đã ảnh hưởng đến địa vị của người phụ nữ trong thời gian sinh đẻ và nuôi con mọn. Từ khi có thai, người phụ nữ phải kiêng kỵ nhiều điều như không được vào vườn, không hái hoa quả, ...còn người ngoài gia đình cũng thường hay lánh tránh không muốn tiếp xúc với những phụ nữ đang có chửa. Trong những ngày ở cữ, người ta không những cấm người ngoài vào thăm mà còn kỵ không cho sản phụ đến gần bàn thờ, không ra ngồi ở bếp chung với gia đình, ...Phụ nữ có chửa gần tháng đẻ phải kiêng không tham gia các công việc của những gia đình khác, đặc biệt là ở những nơi đông người.

Với những phụ nữ có chồng mà không có khả năng sinh đẻ, trước đây, họ phải chịu nhiều đau khổ trong quan hệ với anh em thân tộc bên chồng và trong tâm tư tình cảm. Về tâm tư thì họ không được làm mẹ và điều đó thường trái với niềm ao ước của người phụ nữ khi có chồng. Hơn nữa, họ cảm thấy oan ức bởi tạo hoá đã không cho họ sinh đẻ như những phụ nữ khác. Họ bị anh em và bố mẹ chồng chê bai, thậm chí khinh bỉ. Có lẽ những mâu thuẫn này xảy ra là do hình thức hôn nhân mặc cả đã khiến đồng bào quan niệm rằng tiền bạc và các lễ vật dẫn cưới không chỉ để đón cô dâu về nhà chồng mà cơ bản là đón cháu thông qua cô dâu. Trong quan hệ vợ chồng thì có thể xảy ra trường hợp nếu chồng biết thương vợ thì cùng nhau bàn bạc để xin hoặc mua con của người khác về nuôi, còn không thì ông chồng sẽ cưới vợ hai. Việc ly hôn rất ít xảy ra bởi vì người vợ tuy không có con nhưng không dám xin bỏ chồng còn chồng thì không dễ dàng huỷ bỏ các lễ vật dẫn cưới mà bố mẹ đã dành dụm qua năm tháng để lấy được người vợ không con.

Trong thực tế thì các trường hợp bất hạnh như không có con, lấy vợ lẽ thường ít xảy ra do người Dao Tiên ở vùng Ba Bể có một số tập quán để khắc phục tình trạng này, đó là các hình thức ở rể, nhận con nuôi, các nghi lễ tách nhập ma tông tộc,...

2. Những kinh nghiệm, tập quán liên quan đến sinh đẻ.

Việc sinh đẻ của người Dao Tiên ở vùng Ba Bể đều do mỗi gia đình tự lo liệu, mọi khâu từ bảo vệ thai nhi đến khi đẻ và chăm sóc trẻ sơ sinh đều được sự giúp đỡ từ các thành viên trong gia đình. Các bậc cha mẹ nhất là mẹ chồng hoặc mẹ đẻ thường là những người quan tâm, có trách nhiệm chỉ bảo con dâu và con trai trong việc bảo vệ thai, chuẩn bị cho ở cữ, chỉ bảo các vị thuốc lá rẽ cây cùng các tập quán nghi lễ liên quan. Việc làm này của các bậc cha mẹ thể hiện sự chăm lo tới các thế hệ kế cận và có tác dụng truyền dạy các đặc điểm văn hoá tộc người trong lĩnh vực sinh đẻ.

Suốt thời kỳ *mài sin* (có thai), phụ nữ Dao Tiên vẫn đi lao động bình thường, những ngày cảm thấy mệt mới nghỉ ở nhà làm một số công việc nhẹ. các hoạt động hàng ngày có tác dụng điều hoà sức khoẻ, giảm bớt nỗi suy tư lo lắng về vị trí xã hội trong thời kỳ sinh đẻ. Người ta cho rằng nhiều phụ nữ khi chửa, nhất là lần đầu, thường có cảm giác xấu hổ, ngại giao tiếp với mọi người, do đó, chỉ làm các công việc của gia đình. Nếu bị ốm thì tùy theo mức độ nặng hay nhẹ mà chạy chữa bằng nhiều phương pháp khác

nhau. Đồng bào rất thận trọng trong việc dùng thuốc kể cả các loại thuốc lá rẽ cây do sợ ảnh hưởng đến đứa con. Trước khi dùng thuốc, người ta thường kết hợp cúng bái. Trường hợp ốm đột ngột thì phải nhờ thầy bói bói xem có ma thì cúng. Theo tục lệ, nếu có ma thì sau khi bói nửa ngày hoặc hẹn thời điểm nào đó thì người ốm khỏi hoặc đỡ hẳn thì mới cúng con ma bói ra, bệnh không thay đổi thì không phải cúng. Nếu người chỉ thấy mệt nhưng kéo dài nhiều ngày thì được làm lễ *chấu hòn* (lễ gọi hồn). Lễ này được tiến hành bởi quan niệm rằng mỗi người đều có hồn và hồn thường rời khỏi thân thể làm cho người bị ốm yếu nếu lâu ngày không gọi và làm lễ giữ nó. Bị các bệnh ngoài da như xây xước, vấp ngã, ... thì chỉ chữa từ thuốc nam bằng cách xoa bóp hay đắp lên chỗ đau. Thông thường, người ta chỉ cầu mong phụ nữ có thai thật chu đáo trong việc giữ gìn sức khoẻ, không làm việc quá sức, không dầm mưa dãi nắng, không thức khuya, ... và đặc biệt phải kiêng kỵ các công việc theo sự quy định của phong tục tập quán.

Người ta không kiêng kỵ phụ nữ có thai thêu thùa, may vá nhưng tuyệt đối không để người có thai bỏ kéo, kính, kim, chỉ vào trong *lui bày* (ngực áo). Người có thai không được gim bất cứ kim gì vào khăn, áo váy đang mặc trên người. Người ta cho rằng bỏ kéo vào ngực áo sau này con sẽ bị *dùi máy bái* (hở môi), nếu bỏ kính thì con bị *muối gểu* (mắt lác), còn bỏ kim chỉ và gim vào áo váy hoặc để kim chỉ ở trên giường ngủ của phụ nữ có thai sẽ khâu và gim nhau của con với nội tạng của mẹ, sau này không để được con ra. Người ta còn kiêng không ngâm, nhúng hoặc giặt giũ y phục và đồ trang sức của phụ nữ có thai bằng nước nóng, sợ ảnh hưởng đến thai nhi, dễ sẩy thai. Người ta kiêng không đổ và đắp đất lên nền nhà, không thay đổi chỗ ngủ và các bộ phận giường ngủ của phụ nữ có thai sợ động thai. Nếu đóng cọc xuống nền nhà sẽ đóng phải môi của con trong bụng mẹ làm cho con bị hở môi khi đẻ ra, còn sửa chữa chày cối giã gạo sẽ làm mất bộ phận sinh dục của thai nhi. Riêng người chồng của phụ nữ có thai thì cần kiêng không đập rần, không tham gia khiêng người chết ra đồng. Người ta cho rằng bố đập rần thì con sinh ra sẽ có tật thè lưỡi, khiêng người chết thì con sẽ nằm lâu trong bụng mẹ, khổ cho vợ chữa thêm nhiều ngày.

Về ăn uống, người ta kiêng không cho phụ nữ có thai ăn thịt điều hâu, không ăn thịt các con vật bị hổ vồ, ... sợ con bị bệnh *pút puông* chết ở trong bụng mẹ⁽¹⁾. Kiêng không ăn các loại nhộng như nhộng ong, nhộng tre, nhộng tằm, ... sợ sau này con chỉ biết chơi quanh quẩn ở trong nhà; còn ăn thịt gà rừng thì sau này con sẽ lười biếng chỉ biết chơi lang thang, ăn thịt ếch sẽ làm cho con hay khóc nhè.

Giống như các nhóm Dao khác, người Dao Tiên ở Ba Bể để ngôi và để ngay trong buồng ngủ của đôi vợ chồng, không để ở nơi khác. Khi đẻ, sản phụ được ngồi trên một chiếc ghế thấp gần mặt đất, thấy mệt thì tựa lưng vào thành giường hay vách tường. Trong những ngày *diêm há* (ở cũ), chiếc ghế này chỉ giành cho sản phụ ngồi không dùng cho người khác sợ lây bệnh *pút puông*. Vào mùa lạnh khi chưa đến giờ đẻ, người ta lấy chân trùm kín sản phụ từ đầu xuống chân như kiểu ngồi xông cảm gió, còn phía dưới ghế trước mặt sản phụ có đệm, tã lót để đón con rơi xuống. Sản phụ tự đỡ đẻ là chính, nếu mất sức thì mới gọi đến chồng, mẹ chồng hoặc mẹ đẻ giúp đỡ, còn bố chồng thì tuyệt đối không được bước chân đến cửa buồng. Trong thời gian chữa nếu thấy thai không bình thường và đẻ khó thì có thể nhờ đến người đỡ giỏi trong làng. Gặp trường hợp đẻ khó đau mãi không đẻ được thì người ta xử lý theo các tục lệ sau:

- Cúng các loại ma, đầu tiên là *miên doa*, tức là cúng ma của những phụ nữ thế hệ trước để con chết, sợ ma của những người đó đến quấy rầy. Nếu chưa đẻ được thì *hếu cha phỉn miên* (cúng thỉnh cầu ma tổ tiên), trên đàn cúng có để chiếc kéo, với quan niệm: sợ rằng trong thời gian mang thai phụ nữ cài kim vào áo váy hoặc để trên giường ngủ, do đó cúng cầu mong tổ tiên mang kéo cắt cởi nhau khỏi nội tạng của mẹ để thai nhi chui ra. Vẫn chưa đẻ được thì bày lễ cúng *co chông miên* (Ngọc Hoàng) ở ngoài hiên nhà. Lễ vật chỉ cần bày vòng bạc hay tiền bằng bạc, có đốt hương, bát cơm, chén nước và chén rượu vào trong một cái sàng rồi cúng gọi Ngọc Hoàng giúp giải hạn cho sản phụ. Suốt thời gian từ nhỏ đến lớn, đặc biệt là thời gian mang thai sản phụ phạm điều gì chưa được giải tội như chửi bới cha mẹ, xích mích với anh em làng xóm, ngã cây chặt tre động chạm đến quỷ thần, ... thì cầu mong Ngọc Hoàng giúp đỡ, khi sản phụ đẻ được con ra sẽ cúng tạ ơn. Tất cả các loại ma trên, nếu lễ cầu đến ma nào thấy sản phụ đẻ được thì sau khi đẻ 3 hôm phải thịt gà để *chỉa miên* (cúng tạ ơn) ma đó, nếu không đẻ được thì không phải cúng tạ ơn.

- Cúng hết các loại ma trên mà sản phụ vẫn chưa đẻ được thì đem các loại thuốc lá rễ cây lên trên ghế để sản phụ ngồi. Các loại thuốc thường đặt là *tôm puông xi nôm* (lá cây thâu dầu đỏ), *tô cùng thún* (chồi non của cây mà tiếng Dao Tiên vùng Ba Bể gọi là tô cùng); *kiu thóc nôm* (lá họ); *mía đang phính* (rau mùi),... Yêu cầu chỉ đặt từng cây, không đặt cùng lúc hai hoặc nhiều cây, trong khoảng thời gian một tiếng nếu thấy sản phụ vẫn chưa đẻ được thì đổi sang cây khác. Trước khi đặt thuốc, người đặt phải nín thở cầm thuốc giả vờ quét qua sản phụ từ đầu xuống đến chân 3 lần mới đặt xuống ghế để sản phụ ngồi lên. Khi đẻ xong, cả con và nhau vừa ra khỏi mẹ thì không được chạm trẻ phải vợ lấy thuốc và đem vứt bỏ ngay, vì nếu chạm sẽ kéo ra ngoài theo nhau và các bộ phận nội tạng khác của sản phụ, rất nguy hiểm đến tính mạng sản phụ.

Tuỳ theo kinh nghiệm và hiểu biết của từng gia đình, nếu thấy sản phụ kêu đau dữ dội và kéo dài có thể hái lấy một nắm *biào biái* (mầm non của gốc rạ, mạ non hay lá non của cây lúa) đem rửa sạch giã kỹ đổ thêm ít nước ấm sao cho vắt vừa đủ một bát con để sản phụ uống. Trong thời gian đẻ nếu thấy đau quá có thể cho uống thêm từ 1 đến 2 lần, mỗi lần gạn một bát con. Nhiều gia đình khi biết được thời xưa các cụ tổ tiên làm nghề thầy thuốc còn cầu cứu cho sản phụ theo kiểu niệm phù chú. Người ta lấy một cái chổi vừa tuốt lúa chưa dùng quét nhà để gạn bàn thờ tổ tiên, thắp hương, rót rượu cầu khẩn rằng ngày xưa ông cha làm thầy thuốc hiện nay con cháu gặp nạn đẻ con không ra, rất cần đến thuốc của ông bà mong ông bà phù hộ, ... Sau đó, đem chổi vào buồng sản phụ nói vài câu, đại ý là lúa cứu mệnh, đẻ ra cũng nhờ lúa và được sống cũng nhờ lúa cầu mong lúa phù hộ rồi nín thở dùng chổi quét giả vờ vào người sản phụ từ đầu xuống dưới chân và tiếp tục quét từ đó ra đến cửa chính. Làm như thế 2 lần nữa thì đặt chổi xuống ghế cho sản phụ ngồi lên. Khi đẻ được con ra, phải nhanh chóng cất chổi ngay và sau 3 hôm cần bày lễ cúng tạ ơn ma tổ tiên. ⁽²⁾

Khi đứa trẻ lọt lòng mẹ thường người ta đợi cho nó khóc mới bế lên để cất rốn, nhiều trường hợp đợi lâu chưa thấy đứa bé khóc, người ta lấy *sít miên sâu* (sách cúng) hoặc *tọc mò chay* (giấy bản) quạt cho nó. Đồng bào cho rằng quạt như vậy đứa bé sẽ thở và khóc, phần lớn những đứa trẻ được quạt sách cúng sau này đều đặt tên là Sầu (sách)⁽³⁾. Tuy nhiên, đợi lâu không thấy đứa bé khóc thì phải bế lên làm động tác ngoéo tai, xoa bóp hai bên bụng. Thường thì bố bế đứa bé, còn bà nội hay bà ngoại thì cất rốn. Người ta cất rốn đứa bé bằng dao tre. Trước hết, họ đo rốn theo chiều dài từ đầu rốn (ở

bụng) đến đầu gối và cắt ngay ở chỗ ngang với đầu gối, sau đó lấy *sui ta* (chỉ thêu) buộc làm 3 chỗ: buộc ngang chỗ đầu rốn gần bụng và ở chỗ gần đầu vừa cắt, tiếp theo buộc ở đoạn giữa hai đầu đã buộc. Xong, tắm rửa đứa bé bằng nước ấm, cuốn tã lót cho nằm ở bên cạnh mẹ. Người ta rất sợ chó rê lá cây hay tiền bằng bạc xuống chậu nước tắm của đứa bé bởi vì trẻ sơ sinh có thể bị bệnh *nhòan puông* (bệnh do các chất rỉ bạc gây ra) hoặc nhiễm độc.

Trước đây, nếu đẻ con so thì nhau được đem chôn ở trong buồng chỗ sản phụ ngồi đẻ hoặc chôn ở phía chân giường ngủ và sản phụ phải ngồi ở chỗ đó ăn cơm đúng 7 ngày mới được mang con ra khỏi buồng. Hiện nay, đồng bào bỏ nhau vào trong ống tre lấy giẻ nút chặt mới đem vút vào trong rừng sâu chỗ cao ráo. Họ tin rằng làm như vậy đứa trẻ mới được thoáng mát, khoẻ mạnh và thông minh. Riêng cuống nhau và cuống rốn khi rụng được sấy khô, cất giữ cẩn thận để làm thuốc chữa các bệnh cầm máu, bệnh chảy nước vàng ở rốn trẻ em, để đánh lười cho trẻ nếu trẻ chậm biết nói.

Sản phụ vừa đẻ xong thì được diu lên giường nằm, nếu đẻ con so thì trước tiên phải ăn *chai cao pua* (trứng gà nướng) được chế biến bằng cách đập một quả trứng gà mới đẻ vào than bếp hồng đã thổi sạch, đợi đến khi chín thì lấy ra cho sản phụ ăn. Ăn trứng nướng với mục đích là chữa bệnh đau bụng. Sau đó uống nước thuốc gồm một bát được nấu từ các vị thuốc gồm gốc rau dăm, một ít gỗ được chẻ thót bằm thịt, một miếng dứa ăn cơm và một ít gỗ được chẻ từ chày giã gạo. Uống nước đun từ các thứ trên có ý nghĩa là thót sau này bằm thịt cho sản phụ ăn có dính gỗ cũng không sợ đau bụng, dùng dứa có mùi tre cũng không sợ bệnh, ... hơn nữa cho ăn lẫn với các thứ khác như thót bằm thịt gà cho sản phụ ăn có dính với các loại đã bằm trước như thịt nai, thịt lợn đực, ... cũng không sợ đau bụng. Xong, sản phụ được ăn cơm tẻ đúng một bát, chỉ ăn cơm không có thức ăn và cơm phải được xúc lấy phân giữa nồi không dính cháy hoặc phân cơm trên miệng nồi. Bữa cơm tiếp theo, sản phụ được ăn thức ăn gồm thịt gà nấu với gừng, nghệ, ít rượu, muối, mỡ nhưng trước đó phải uống *trà miệt* (nước thuốc) được nấu từ nhiều vị. Các vị thuốc đó thường hái ở quanh nhà đem rửa sạch, chặt nhỏ rồi cho vào ống tre hoặc nồi đồ nước đun sôi thật kỹ là uống được. Đồng bào thường nấu hỗn hợp các loại cây thuốc như: *diêm pâu dùng* (rễ của cây mà đồng bào vẫn đốt lấy than để làm thuốc súng); *mu than dùng* (rễ của cây gỗ nhỏ đồng bào thường chẻ làm tăm xỉa răng); thân cây *gim ngao duôn* (dây leo mà gai có thân chia ngược về phía gốc); *gâu xi piêu* (quả hay lá của cây dứa đỏ giống như cây dứa dại); *lai hiu con* (gốc cây rau dăm); gốc của cây *mia thun nhiên* và của cây *mấy tanh dùng*.⁽⁴⁾ Trong tháng ở cũ, phụ nữ chỉ uống nước đun sôi của các loại thuốc này. Để tránh nhiễm bệnh pút puông đồng bào còn lấy lá cây *tôm puông xi* đun sôi lấy nước tắm gội cho cả mẹ lẫn con. Do có các vị thuốc đó nên sau khi đẻ được 7 ngày và tối đa là 15 ngày, phụ nữ có thể làm được các công việc trong nhà.

Uống *trà miệt* xong, sản phụ được ăn cơm với thịt lợn, thịt gà mái hay gà giò. Thịt gà được chế biến thành 2 món: Thịt lợn được xào với nghệ và rượu còn xương thì nấu canh với nghệ, gừng, ít rượu và các vị lá thuốc thái nhỏ. Trong tháng ở cũ, sản phụ được ăn nhiều cơm nếp, đậu tương hầm hoặc đậu tương xay bột ninh với thịt gà, trứng gà nấu canh với các gia vị như gừng, nghệ. Ngoài ra còn các món nấu canh như ngải cứu, đu đủ xanh, ... Người ta kiêng không cho sản phụ ăn các thứ để nguội, các thứ rau nhiều nước như rau cải, cải bắp, ... không ăn các thứ chua như chanh, thịt chua, dưa muối; các thứ mát như cam, quýt, ... cũng không được ăn. Họ cho rằng ăn các thứ đó sẽ

đã thuốc, sữa không tốt ảnh hưởng đến sức khoẻ của đứa trẻ như kém bú, đi ỉa, ... Tuy nhiên, nếu được uống nước nấu với thuốc thì có thể ăn được thêm những thức ăn khác. Chẳng hạn, uống xong nước nấu với cây *hang vại con* (rễ loại rau mùi khai chỉ có ở trong rừng) thì sản phụ ăn được rau bí, rau cải, cải bắp, ... còn nếu uống thêm nước nấu với lá cây *mắc câu lấu* (cây có dây leo ra quả như quả nho chỉ mọc ở bờ sông, suối) thì ăn được con cá ở bờ sông mà đồng bào gọi là *biao gái bua*.

Giống như các nhóm Dao khác, trong nhà có người đang ở cũ, người Dao Tiên cũng làm dấu hiệu để cho người ngoài biết không vào nhà. Khác với các nghi lễ khác là cắm lá xanh của cây rừng, đánh dấu để khách biết trong nhà có người để thì họ thay bằng một bông *pu đào* (bông lau rừng) cắm ở một bên cửa chính phía hiên nhà. Nếu thấy bông lau có buộc một nút thắt là dấu hiệu để con trai, không buộc nút mà chỉ thấy cát lá là để con gái. Ngoài việc cắm cũ, cắm *pu đào* còn để kỵ không cho các loại ma, quỷ xấu vào nhà. Trong nhà có người đang ở cũ, người ta không muốn người ngoài, nhất là khách lạ vào nhà. Họ sợ rằng khách lạ có *ca xan miên* (ma ngoải) hay các bệnh truyền nhiễm khác có ảnh hưởng xấu đến đứa trẻ đồng thời sợ hồn của đứa trẻ đi theo khách. Mặt khác người ngoài, đặc biệt là những người đang chuẩn bị làm các nghi lễ long trọng cũng không muốn vào những nhà đang có người ở cũ. Người ta cho rằng đó là những "điềm xấu" vì người ở cũ và trẻ sơ sinh không những *a lúp* (bản) mà còn có việc không lành liên quan đến mình khi tiến hành các công việc hệ trọng.

Trong những ngày ở cũ, nhất là 7 ngày đầu, sản phụ phải kiêng không đến các nơi thờ cúng, không ngồi vào ghế người khác. Nếu sản phụ có nhiều sữa cần kiêng không vắt sữa xuống gần bếp sợ *dô hùng miên* (ma bếp) phạt ý bắt đền *nhỏ mả* (mẹ sữa) làm mất sữa. Tã lót, áo váy của sản phụ và của trẻ sơ sinh chỉ được phơi ở chỗ khuất không được phơi ở phía trước nhà hoặc ngoài hiên trước cửa chính do sợ làm bản bàn thờ và truyền bệnh *pút puông* sang người khác. Còn người nhà, nhất là bố của đứa bé cũng kiêng không đến những nơi tụ tập nhiều người lạ, không ăn thịt các con vật bị hổ vồ, không ăn thịt điều hầu sợ có vía độc hoặc lây bệnh *pút puông* sang đứa trẻ.

3. Một vài nhận xét.

- Sinh đẻ để có con phụng dưỡng lúc về già là điều mong ước duy nhất của những người đã thành vợ thành chồng và trên cơ sở đó người Dao Tiên ở Ba Bể, Bắc Cạn cho rằng đôi vợ chồng nào đẻ nhiều con, dễ nuôi và các con đều ngoan là có phúc. Tuy vậy, việc sinh đẻ lại gây ra nhiều điều phiền phức cho phụ nữ trong việc thực hiện quyền bình đẳng với nam giới.

- Việc sinh đẻ của người Dao Tiên ở Ba Bể, Bắc Cạn còn bị ảnh hưởng nhiều bởi các kinh nghiệm, tập quán dân tộc dù rằng hiện nay mạng lưới y tế đã phát triển đến tận xã và có ưu tiên khám chữa bệnh cho các dân tộc ít người trong vùng. Nguyên nhân có thể do các kinh nghiệm, tập quán của đồng bào được hình thành và lưu truyền qua nhiều thế hệ đã trở thành thói quen khó bỏ.

- Người phụ nữ có chữa và đẻ con phải chịu sự chi phối của các tập quán hay những thủ thuật chữa bệnh chỉ nhằm mục đích cho việc sinh đẻ mẹ tròn con vuông và sự phát triển bình thường của đứa trẻ.

- Tất cả những kinh nghiệm, tập quán kiêng kỵ và chữa bệnh trong thời gian chữa, đẻ và ở cũ của đồng bào là phát sinh từ sự khó khăn của cuộc sống và nạn "hữu sinh vô

(xem tiếp trang 73)